**Phụ lục 2**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  Số: /BC-…….[[1]](#footnote-1) | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *........, ngày…… tháng……năm 2025* |

**Báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024**

**của ………………..**

Kính gửi: Thanh tra tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 529/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024; Quyết định số 29/QĐ-TTCP ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Thanh tra Chính phủ Ban hành Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2024. ...................báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng tại đơn vị, địa phương từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Khái quát tình hình thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng (sau đây viết tắt là PCTN) tại đơn vị.

**II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN**

**1. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN năm 2024**

**1.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN**

- Việc ban hanh Kế hoạch: Các cơ quan, đơn vị đã ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN thì cập nhật kế hoạch vào mục A.2.1.1 - phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện: Các cơ quan, đơn vị có báo cáo kết quả thực hiện cập nhật văn bản và kết quả thực hiện vào mục A.2.1.2 - phụ lục 5.

**1.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN**

- Việc ban hanh Kế hoạch: Các cơ quan, đơn vị đã ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN thì cập nhật kế hoạch vào mục A.2.2.1 - phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện: Các cơ quan, đơn vị có báo cáo kết quả thực hiện cập nhật văn bản và kết quả thực hiện vào mục A.2.1.2 - phụ lục 5.

**1.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN**

Các cơ quan, đơn vị có báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật cập nhật số văn bản và tài liệu minh chứng vào mục A.2.3 – phục lục 5.

**1.4. Việc tiếp công dân theo quy định Luật Tiếp công dân**

- Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện:Liệt kê danh sách Chủ tịch UBND cấp huyện, tiếp công dân đầy đủ theo quy định, cập nhật thông báo, lịch, biên bản … thể hiện số tháng tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cập nhật tài liệu minh chứng tại mục A.2.5 – phụ lục 5.

- Tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh theo Luật Tiếp công dân: Liệt kê danh sách Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cập nhật thông báo, lịch, biên bản … … thể hiện số tháng tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh cập nhật tài liệu minh chứng tại mục A.2.6 – phụ lục 5.

**1.5. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng**

Liệt kê các văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng. Liệt kê tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng. Liệt kê tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng. Tài liệu minh chứng cập nhật tại mục A.2.7 – phụ lục 5.

**2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

**2.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước**

**2.1.1. Kết quả thực hiện công khai minh bạch theo quy định của Luật PCTN**

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật kết quả công khai TTHC vào mục B.1.1.1 – phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật kết quả công khai minh bạch vào mục B.1.1.2 – phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật kết quả công khai minh bạch vào mục B.1.1.3 – phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách nhà nước: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật kết quả công khai minh bạch vào mục B.1.1.4– phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật kết quả công khai minh bạch vào mục B.1.1.5– phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất: UBND huyện, thành phố cập nhật kết quả công khai minh bạch vào mục B.1.1.6– phụ lục 5.

**2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2024**

Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật báo cáo kết quả chuyển đổi số năm 2024 vào mục B.1.3 – phụ lục 5.

**2.1.3. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)**

- Việc ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố liệt kê văn bản đã ban hành để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ, cập nhật vào mục B.1.5.1 – phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố liệt kê các báo cáo Kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC trong nội bộ, cập nhật vào mục B.1.5.2 – phụ lục 5.

**2.2. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích**

- Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện rà soát xung đột lợi ích: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố liệt kê các văn bản đã ban hành triển khai thực hiện tổ chức rà soát xung đột lợi ích trong nội bộ, cập nhật vào mục B.1.6.1 – phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện rà soát xung đột lợi ích: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện rà soát xung đột lợi ích trong nội bộ vào mục B.1.6.2 – phụ lục 5.

**2.3. Kết quả chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức**

- Việc ban hành kế hoạch: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của đơn vị mình vào mục B.1.7.1 – phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác của đơn vị mình vào mục B.1.7.2 – phụ lục 5.

**2.4. Kết quả thực hiện Quy tắc ứng xử**

Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật báo cáo kết quả việc thực hiện Quy tắc ứng xử của đơn vị mình vào mục B.1.8 – phụ lục 5.

**2.5. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập**

- Việc ban hành kế hoạch: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật kế hoạch kê khai và công khai bản kê khai tài sản thu nhập năm 2024 của đơn vị mình vào mục B.1.9.1 – phụ lục 5.

- Kết quả thực hiện: Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố cập nhật báo cáo kết quả thực hiện kê khai và công khai bản kê khai tài sản thu nhập năm 2024 của đơn vị mình vào mục B.1.9.2 – phụ lục 5.

**2.5. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước tại địa phương**

Các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng nội bộ, liệt kê và cập nhật báo cáo vào mục B.2.2 – phụ lục 5.

**3. Tiêu chí đanh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng**

**3.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng**

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra: Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố thống kê số cuộc thanh tra, kiểm tra về PCTN, liệt kê số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng (nêu cụ thể), liệt kê các cuộc giám sát phát hiện tham nhũng (nêu cụ thể), liệt kê các cuộc thanh tra phát hiện tham nhũng (nêu cụ thể), báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát năm 2024. Cập nhật các nội dung này vào mục C.1.1 – phụ lục 5.

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo: Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố liệt kê các vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng, liệt kê các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng, báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm 2024. Cập nhật các nội dung này vào mục C.1.2 – phụ lục 5.

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra năm 2024: Công an tỉnh, Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân cung cấp số liệu vụ án phát hiện hành vi tham nhũng tham nhũng qua điều tra do các cơ quan điều tra của tỉnh phát hiện năm 2024. Cập nhật các nội dung này vào mục C.1.3 – phụ lục 5.

**3.2. Việc xử lý tham nhũng**

**3.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng**

- Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng: Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố liệt kê danh sách các tổ chức đã xử lý kỷ luật do để xảy ra tham nhũng và liệt kê danh sách tổ chức để xảy ra tham nhũng. Cập nhật các nội dung này vào mục C.2.1.1 – phụ lục 5.

- Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng: Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố liệt kê danh sách người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính. Liệt kê tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện Cập nhật các nội dung này vào mục C.2.1.2 – phụ lục 5.

- Kết quả điều tra, truy tố, xét xử: Công an tỉnh, Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cung cấp số liệu về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2024 cập nhật vào mục C.2.2.1, C.2.2.2, C.2.2.3 – phụ lục 5.

**3.2.1. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng**

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố nơi có cán bộ, công chức, viên chức bị kết luận, kết án về tham nhũng, tiêu cực cáo cáo kết quả xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu hoặc người có liên đới để xảy ra tham nhũng căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng (*nêu rõ từng cá nhân và mức xử lý: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc*). Cập nhật kết quả vào mục C.2.3 – phụ lục 5.

Việc chưa xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi tham nhũng; chưa được xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu do để xảy ra tham nhũng và nguyên nhân.

**3.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN**

- Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị: Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm và cá nhân đã xử lý vi phạm cập nhật mục C.3.1 – phụ lục 5.

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn: Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm và cá nhân đã xử lý vi phạm cập nhật mục C.3.2 – phụ lục 5.

- Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm và cá nhân đã xử lý vi phạm cập nhật mục C.3.3– phụ lục 5.

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích: Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm và cá nhân đã xử lý vi phạm cập nhật mục C.3.4– phụ lục 5.

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác: Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm và cá nhân đã xử lý vi phạm cập nhật mục C.3.5 – phụ lục 5.

- Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng: Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm và cá nhân đã xử lý vi phạm cập nhật mục C.3.6 – phụ lục 5.

- Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN: Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm và cá nhân đã xử lý vi phạm cập nhật mục C.3.7 – phụ lục 5.

**4. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng**

**4.1. Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh**

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra: Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra theo từng vụ việc …; tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra. Cập nhật vào mục D.1.1 – phụ lục 5.

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh: Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc …; tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra. Cập nhật vào mục D.1.1 – phụ lục 5.

**4.2. Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án**

- Công an tỉnh, Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân: Cung cấp kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử: Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử theo từng vụ việc …; tổng số tiền tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy, xét xử. Cập nhật vào mục D.2.1 – phụ lục 5.

- Cục thi hành án tỉnh: Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án: Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác theo từng vụ việc …; tổng số tiền tài sản tham nhũng phải thu hồi theo từng bản án . Cập nhật vào mục D.2.2 – phụ lục 5.

**III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA ĐỊA PHƯƠNG VỀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN NĂM 2024; NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỀ PCTN**

Đánh giá chung tiến triển của công tác PCTN 2024 về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm 2023; những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN.

Đề xuất giải pháp để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN nhằm thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới ở địa phương.

1. Tên của cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo. [↑](#footnote-ref-1)